

DANH SÁCH HOÀN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN CHO CB-GV-CNV NĂM 2014
(THUỘC DIỆN ĐÃ ỦY QUYỀN NHÀ TRƯỜNG QUYẾT TOÁN THAY NĂM 2014)

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

STT	Họ và tên (*)	Đơn vị	Tổng số thu nhập chịu thuế/ năm	Các khoản giảm trừ		Thu nhập tính thuế	Số thuế TNCN đã khấu trừ	Chi tiết kết quả quyết toán thay cho cá nhân nộp thuế		Ghi chú
				Tổng số tiền giảm trừ gia cảnh	Bảo hiểm bắt buộc			Tổng số thuế phải nộp	Số thuế đã nộp thừa	
[01]	[02]	[03]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]
27	Nguyễn Văn Giang	Khoa CNTT	247.394.022	194.400.000	10.376.037	42.617.985	3.357.354	2.130.899	1.226.455	
28	Nguyễn Khoa	Khoa CNTT	198.091.581	194.400.000	6.469.008	0	2.374.800	0	2.374.800	
29	Nguyễn Sanh Cường	Khoa CNTT	119.163.959	108.000.000	4.456.740	6.707.219	1.403.142	335.361	1.067.781	
30	Trần Việt Khánh	Khoa CNTT	95.916.373	108.000.000	3.868.836	0	367.980	0	367.980	
31	Lê Quý Hưng Quốc	Khoa CNTT	143.889.958	194.400.000	5.111.834	0	422.493	0	422.493	
32	Nguyễn Thị Khánh Thu	Khoa CNTT	112.747.365	151.200.000	4.123.532	0	141.642	0	141.642	
33	Nguyễn Thị Thủy	Khoa CNTT	144.802.689	108.000.000	5.722.136	31.080.553	2.778.867	1.554.028	1.224.839	
34	Võ Anh Trang	Khoa CNTT	104.086.240	108.000.000	4.665.784	0	542.202	0	542.202	
35	Dương Ngọc Vọng	Khoa CNTT	118.713.342	151.200.000	4.455.159	0	219.486	0	219.486	
36	Lê Phi Trường	Khoa CNTT	101.272.921	108.000.000	3.868.836	0	496.632	0	496.632	
37	Lâm Thanh Hùng	Khoa CNTT	100.102.770	108.000.000	3.390.660	0	511.464	0	511.464	